

SỐ 1791

CHÚ ĐẠI THỪA NHẬP LĂNG-GIÀ KINH

Sa-môn Bảo Thần ở Đông Đô soạn.

QUYỂN 1

Phẩm 1: BÀI TỰA

1. Lời tựa:

Ngài Đạt-ma từ Tây trúc đến Đông Độ truyền giáo vốn không lập văn tự, trao truyền Kinh Lăng-già để ấn truyền tâm tông của Phật. Tuy trong chốn tông lâm giai thoại này rất thịnh hành. Nhưng các thiền tăng vẫn còn mơ hồ. Ở đất Việt có Đại đức Thật-xoa-nan-đà xuất hiện vào khoảng niên hiệu Cửu Thị đời Lý Đường, Ngài nghiên cứu kỹ và tóm thâu phẩm đề đến ba phen, chứng minh đầy đủ diệu lý của một kinh, cách thức giống như các bộ trước đã dịch, văn điển giải thông suốt mà nghĩa thì rõ ràng sáng sủa, để lại cho người đời sau, không nhọc sức mà công đức nhiều gấp bội. Lúc bấy giờ cho là rất đầy đủ, chưa thấy có người nào giải thích văn nghĩa, Bảo Thần liền gom góp tất cả các bộ sách chú giải, đổi thành bảy quyển thành tân thuyết, thêm vào những chỗ thiếu sót, tra xét so sánh kỹ những chỗ nghi lầm, chính vì cố gắng chuyên cần, dám bắt chước những bậc kỳ tài tự soạn, mong sao người học đạo hết lòng xem đọc bộ kinh này.

Bài tựa kinh Đại thừa Nhập Lăng-già bản tân dịch.

Thiên San Kim Luân Thánh Thần Hoàng Đế soạn.

2. Phần mở đầu:

Bởi nghe trên đỉnh núi Ma-la vừa cao vừa rất trang nghiêm. Trong thành Lăng-già thật khó đến khó vào. Đầu tiên Đức Phật tuyên dương giáo pháp rộng khắp, trải qua chỗ các bậc Thánh tu hành, vì vậy có vị chủ thành hiệu là La-bà-na. Nương cung điện để yết kiến tôn nhan, hòa tấu âm nhạc mà cầu pháp mầu. Nhân núi cao để biểu sự hưng thịnh, chỉ kho tàng Phật giáo như biển để nói về tông môn. Cái gọi là kinh Nhập Lăng-già. Đây là then chốt mầu nhiệm của tâm lương các Đức Phật, ổ khóa mầu nhiệm của các kinh, rộng ví dụ ý chí sâu xa tuyệt diệu, nghĩa thông suốt sâu xa, bất sinh bất diệt, chẳng phải hữu chẳng phải vô, bật dứt hai đường đến đi, lia hai chấp đoạn thường, là Đệ nhất nghĩa đế, được châu báu nhiệm mầu cao quý. Thể của các pháp đều không, biết cảnh trước như huyễn, lẫn lộn giả danh phân biệt, bình đẳng sinh tử và Niết-bàn Ban đầu, Đại Tuệ bày tỏ đều thối mắc, ý chỉ của Pháp vương do đó mà phát khởi trăm lẽ tám nghĩa, ứng hợp thật tướng mà lia thế gian. Ba mươi chín môn, phá tà kiến mà giảng nói chánh pháp, hiểu rõ danh tướng đều là giả, dứt bỏ sự mê chấp vọng tưởng, nương chánh trí để hiểu rõ như như, ngộ duyên khởi mà quay về lý mầu,, gió cảnh đã dứt, sóng thức mới vắng lặng, ba tự tánh đều không, ngã chấp pháp chấp đều diệt, nhập Như lai Tạng, dạo chơi trong cửa giải thoát. Nguyên văn của kinh này từ Tây Quốc đến. Đến niên hiệu Kiến Nguyên có ngài Bạt-đà-la dịch, nhưng chưa được truyền bá rộng rãi (bản dịch bốn quyển đầu đời Lưu Tống). Vào thời Hậu ngụy tiếp theo có bản dịch mười quyển) do ngài Lưu chi dịch, nghĩa phần nhiều lẫn lộn. Vua kính trọng giao phó, lòng tha thiết làm sao cho Phật giáo hưng thịnh. Vào năm Canh tý, niên hiệu Cửu Thị năm đầu, Lâm Chung Kỷ Luật Viêm Đế Ty Thần bảy giờ tránh nắng, ngắm cảnh trong cung ở Tam Dương thuộc Dĩnh Thủy, lại đưa ra kinh này, giải thích bản thứ ba thành liễu giác bẩy quyển, do Tam Tạng Sa-môn Đại Đức Thật-xoa-na-đà là vị tăng nước Vu-điền dịch, tặng phục lễ chùa Đại Phúc Tiên... và còn có tên là Truy An Viễn, đức khế hợp hương thơm tỏa khắp, noi theo đức hạnh và phương pháp của ngài Long Thọ, tham cứu nơi lưu trữ công văn bí mật của ngài Mã Minh, giới hương và giác hoa nở thơm bát ngát, ngọc như ý cùng với tánh mặt trăng đồng tròn đầy, cho nên có khả năng thông đạt sự mầu nhiệm, phát huy nghĩa lý sâu xa. Ngày mười lăm tháng giêng niên hiệu trường Thần An năm thứ tư, viết chép bày tỏ xong, tự cho mình là nhỏ nhen đôn bạc, nói tạ từ Ngọc Khuê chương, nhìn bốn biện mà thường hổ thẹn, xem nhất thừa mà không lường được, khó mà trái với thế tục, văn chương hội họa gượng gạo, lời vụng về lý

trái ngược càng thêm hổ thẹn. Chịu khuất phục bởi kinh này nhiệm mầu rất là ít có, phá tan sự tối tăm mê muội, câu truyền đăng không cùng tận, công diễn bày trôi chảy, nghĩa tuôn trào lưu loát vô tận, đề mục phẩm thứ lớp nêu ở đoạn sau:

3. Giải thích đề kinh:

Kinh Đại thừa Nhập Lăng-già, đề mục nêu lên nơi chốn nói kinh, nói Lăng-già, Hán dịch là “Nan Vãng”. Nghĩa là do các báu hợp thành, ánh sáng ắt cả mặt trăng, mặt trời, giữa hư không nơi ở của Dạ-xoa. Thành này ở trên đỉnh núi Ma-la, núi ấy cao chót vót, dưới thấu suốt cả biển lớn, bên cạnh không có cửa. Người nào có thần thông mới lên đó được, đây chính là để tiêu biểu pháp môn tâm địa, người vô tâm vô chứng mới vào được. Dưới thấu suốt cả biển lớn, là tiêu biểu biển tâm vốn tự thanh tịnh. Do cảnh gió di chuyển mà sóng thức lay động, muốn hiểu rõ cảnh tâm vốn không thì biển cũng tự vắng lặng, tâm cảnh đều vắng lặng thì chẳng có gì mà không chiếu soi, cũng như biển lớn không có gió thì mặt trời, mặt trăng, sum-la muôn tượng sáng sửa rực rỡ. Kinh này chỉ thẳng cho bậc Thượng căn, đốn thuyết hạt giống nghiệp thức thành Như lai Tạng, khác với người hai thừa diệt thức hưởng đến sự vắng lặng, cũng khác hẳn với hàng Quyền giáo Bồ-tát tu không, chẳng tăng thêm sự cao siêu, nêu rõ thức thể bốn tánh hoàn toàn chân thật, bèn nói rõ thức thể tức thành trí dụng, như biển lớn kia không có gió thì cảnh tượng càng sáng rõ. Pháp môn biển tâm cũng giống như vậy.

Kinh: Tiếng Phạm là Tu-đa-la, Hán dịch là Khế Kinh.

Khế: Nghĩa là khế pháp, khế cơ. Nếu chỉ khế pháp thì pháp không ứng hợp với căn cơ, còn chỉ khế cơ thì căn cơ không thông đạt đến pháp. Kinh gọi là Thường, lấy sự quán nhiếp làm nghĩa, nêu rõ các điều mà các bậc Thánh xưa này đã nói như vậy, nên nói là Thường, giữ gìn để lý mà không quên mất cho nên gọi là Quán. Quán các chúng sinh mà giáo hóa nên gọi là Nhiếp. Lại nói rằng như dệt sợi dọc, sợi ngang mà thành, đều là do người.

4. Nói về người dịch:

Ngài Tam Tạng Thật-xoa-nan-đà người nước Vu-điền đời Đường dịch. Xét rằng đời Đường ngài Thật-xoa-nan-đà dịch tại chùa Kinh Ái, Sa-môn Trí Nghiêm chú giải. Đây là bản kinh dịch vào thời Lưu Tống. Bài tựa đầu kinh nói rằng: Bản tiếng Phạm rộng lược gồm có ba bản: bản rộng nhất có mười muôn bài tụng; bản kế đó có ba muôn sáu ngàn bài tụng; bản tóm lược có bốn ngàn bài tụng. Ở trung quốc tính trước sau có đến bốn bản dịch, đều là tóm lược văn của bốn ngàn bài, có một

bản bị thất lạc đã lâu, trong Đại tạng hiện còn có ba bản. Vào niên hiệu Nguyên Gia năm thứ mười hai đời Lưu Tống ở Thiên Trúc có Tam Tạng Cầu-na-bạt-đà-la, chùa thảo đường Kim Lăng dịch thành bốn quyển, chỉ có một phẩm sau văn chưa đầy đủ, đề tên là: Kinh Lăng-già A-bạt-đà-la Bảo (ở trong hòm chữ thân). Bản thứ hai vào niên hiệu Kiến Xương thứ hai Tam Tạng Bồ-đề-lưu-chi đời Hậu Ngụy dịch tại nhà ông Nhữ Nam Vương ở Lạc Dương, và chùa Kim Hoa ở Nghiệp Độ cùng bổ sung vào văn thiếu sót, gồm ba phẩm kinh dịch thành mười quyển, chia làm mười tám phẩm, tựa đề là Kinh Nhập Lăng-già (ở trong hòm chữ Phát). Bản dịch thứ ba vào đầu niên hiệu Cửu Thị đời Đường Tam Tạng Thật-xoa-nan-đà người nước Vu-điền, Sa-môn Phục lễ v.v... đã dịch xong Hoa Nghiêm Tân Kinh (tám mươi quyển), nhưng thấy hai bản dịch trước của kinh này rườm rà tóm lược chưa được thuần thực, ý muốn sửa chữa để lưu thông rộng khắp, lại vâng chiếu dịch lại. Bèn ở chốn núi cao giữa chốn hoang vắng, hội đủ ba bản văn (hai bản trên và bản tiếng Phạn) làm thành bảy quyển, gồm mười phẩm, tựa đề là kinh Đại thừa Nhập Lăng-già, cho nên vua ngự chế bài tựa rằng: Vào niên hiệu Kiến Nguyên bản dịch của Bạt-đà chưa truyền bá rộng rãi, vào niên hiệu Diên Xương, nghĩa bản dịch của ngài Lưu-chi có nhiều sai sót. Nay bản chú thích này, là giải thích bản dịch đời Đường, vì bản dịch của ngài Lưu-chi dịch hơn tám phẩm đề, như thứ lớp xen vào chú văn, trong kinh cũng thành mười tám phẩm, để biết văn có đầu có đuôi, lý không hai, giúp cho người đọc dễ hiểu. Có chỗ nói người học cho rằng các bản dịch quá xa vời chỉ có bản bốn quyển là rõ ràng hơn bản dịch bảy quyển, bản bốn quyển dễ hiểu hơn. Đặc biệt không biết bản kinh dịch đầu tiên văn tự giản cổ văn, đầu đuôi thiếu, các vị học giả học rộng đức lớn, còn khó khăn đối với câu đọc, dẫn lời tựa và lời bạt tự có văn rõ ràng (Tô Đông Pha vốn thông minh vì Trương Văn Định Công viết. Bản kinh này bốn quyển, tự soạn lời bạt rằng: nghĩa Lăng-nghiêm ý thú sâu mầu, văn tự giản cổ, người đọc có khi không thể chấm câu. Tương Dĩnh Thúc soạn bài tựa đầu cũng nói rằng: Kinh Lăng-già kỳ lạ khác thường khó đọc, thì người khác rất dễ hiểu). Kinh này tham đồng ba bản cú nghĩa của kinh toàn rõ ràng, thử phát tâm đọc thì biết suy nghĩ quá phân nửa.

5. Chánh thức vào chánh văn:

Phẩm thứ nhất: La-bà-na Vương khuyến thỉnh.

Bắt đầu từ đoạn dưới chính là giải thích nghĩa văn kinh. Chia làm ba đoạn: Tựa, Chánh văn và Lưu thông. Phẩm này là phần Tựa. Bắt đầu từ phẩm văn đáp đến phần gần cuối là phần trùng tụng gồm có mười

bảy phẩm, gọi là phần Chánh tông. Một bài tụng cuối cùng gọi là phần Lưu thông. Đầu tiên là bản bốn quyển, một phẩm kinh này hoàn toàn thiếu, ban đầu có riêng hơn sáu hàng văn để làm bài tựa sơ lược.

Nói Na-bà-la chưa thấy Chánh dịch, cũng tức là vua Dạ-xoa. Khuyến thỉnh Như lai vào trong núi báu nói về pháp tự chứng. Lại thỉnh Bồ-tát Đại Tuệ làm người đầu tiên thưa hỏi, cho nên nói khuyến thỉnh. Nói “Phẩm”: là nghĩa cùng giống nhau gom trong một đoạn, nên gọi là “phẩm”. Kinh này gồm bốn ngàn bài tụng, có mười tám phẩm. Đây là phẩm đầu nên gọi là “đệ nhất”.

6. Sáu thứ thành tựu:

“Tôi nghe như vậy, là nêu lên pháp thể được nghe. Tức là nghĩa của một bộ kinh như vậy, ngày xưa tôi đích thân được nghe Đức Phật nói, cho nên luận Phật Địa chép: Người truyền bá Phật giáo nói việc như vậy, ngày xưa tôi có nghe. Đây là tổng hợp giải thích tin nghe. Nếu thích riêng ra thì nói như thị là tín thành tựu. Luận Trí Độ chép: Phật pháp như biển lớn, tín thì vào được, trí là năng độ. Kinh không bắt buộc, nhưng nếu chẳng có lòng tin thì không bước vào được, nên nói là như vậy. Có chỗ nói rằng: Bạc Thánh nói pháp chỉ vì hiển rõ chữ Như, chỉ có như là thị. Lại nói rằng: Như là lời đúng lý, trí là lời vô phi. Ở đây thì nói: Như là chân không, thị là diệu hữu. Đã không có chân ngoài hữu, không mà chẳng dứt bỏ, không có tục ngoài chân, hữu mà chẳng thường, tức là đối trị phá quyền tông, tà tông, để hiển rõ Trung đạo. Cho nên nói rằng Như vậy. Tôi nghe: là văn thành tựu. Muốn truyền cho người chưa nghe, nếu có lời mà không truyền tức là lập sông, không ở năng thuyết, quý ở chỗ năng truyền, cho nên kể là nói tôi nghe. Tôi: là chỉ cho ngài Văn-thù, A-nan. Năm uẩn là giả danh thì vì sao nói là tôi (ngã)? Ngã có bốn nghĩa: 1. Phàm phu chấp khắp; 2. Ngoại đạo tông chấp; 3. Các bậc Thánh thuận theo thế tục giả danh phân chia khách chủ; 4. Pháp thân chân ngã. Ở đây là hai thứ ngã sau, không có hai thứ chấp ngã của phàm phu, ngoại đạo ở trước. Ngã đã vô ngã, nghe cũng không nghe. Vì từ duyên không nên chẳng hoại giả danh, tức không nghe mà nghe như vậy. Nếu y theo tông chỉ của kinh này thì Bồ-tát truyền pháp lấy ngã, vô ngã làm chân ngã không hai, là pháp môn nghe chân tục không ngăn ngại.

“Một thuở nọ Đức Phật”: Một thuở nọ là thời thành tựu.

Thời: Cũng tùy theo thế tục giả danh lập ra thời phần. “Một”: là phân biệt khác với thời (khác). Đức Như lai nói kinh thì có vô lượng thời không thể nêu lên đầy đủ. Một là nói chung đại khái, cho nên nói một

thuở nọ, tức là lúc đấng Pháp vương chỉ bảo, giảng dạy trong hội lớn. “Phật” là chủ thành tựu. Tiếng Phạm gọi Phật-đà, Hán dịch là Giác, nghĩa là tự giác, giác tha, giác hạnh tròn đầy. Luận Khởi Tín chép: Có chỗ nói, giác, nghĩa là tâm thể lìa niệm, tướng lìa niệm ấy đồng với cõi hư không, chẳng nơi nào mà không trùm khắp. Pháp giới một tướng, tức là pháp thân bình đẳng của Như lai, cho nên vô niệm gọi là giác, nhưng có ba nghĩa: 1. Tự giác: giác biết tự tâm vốn vô sinh diệt. 2. Giác tha: giác biết tất cả pháp không có pháp nào chẳng là Như. 3. Giác mãn: mình và người lý viên, gọi là mãn, cho nên biết rằng có niệm thì không gọi là Giác. Luận Khởi Tín chép: Tất cả chúng sinh không gọi là giác, vì từ vô thủy đến nay niệm niệm nối nhau, không hề lìa niệm. Lại nói rằng: Nếu có chúng sinh giác được vô niệm, thì hưởng về trí Phật. Trụ ở trong thành Lăng-già trên đỉnh núi Tân-ma-la giữa biển lớn. Đây là xứ thành tựu. Chân thân không ở đâu mà không đâu chẳng ở, cho nên kể là nói về chân thân. Nói trên đỉnh núi Tân-ma-la giữa biển lớn là nêu chung về nơi chốn. Núi này ở giữa biển lớn, cao năm trăm do-tuần, nếu người không có thần thông thì không thể lên đến đó được. Lăng-già: là nêu riêng lên nơi nhóm họp đông người, Hán dịch là Nan Vãng, nghĩa thấy như đề kinh ở trước. Nói Trung: Đức Phật ưa thích Trung đạo, bay lên giữa hư không, giáng xuống ngay giữa nước, trong đêm nhập diệt, đều tiêu biểu lý cho Trung Đạo, nay ở trong thành nói pháp Trung đạo mà Ngài tự chứng.

Cùng chúng đại Tỳ-kheo và chúng Đại Bồ-tát: là chúng thành tựu. Từ quán Giả nhập vào quán Không, khắp phá sinh tử, tức trước hết nêu hàng Thanh văn. Từ quán Không nhập và quán Giả, khắp phá Niết-bàn, tức sau cùng nêu các Bồ-tát. Hai bên đã lìa thì lý Trung đạo tự hiển hiện. Đại Tỳ-kheo: nói đủ có năm nghĩa: 1. Bố ma; 2. Khất sĩ; 3. Phá ác; 4. Tịnh mạng; 5. Danh tự tăng. Đại Bồ-tát: nói đủ là Bồ-đề Tát-đỏa. Bồ-đề: Hán dịch là Giác, tức quả Phật sở cầu. Tát-đỏa: Hán dịch là hữu tình, chúng sinh được hóa độ. Lại nói đây là hữu tình cầu Bồ-đề. Cùng: là một thời gian một nơi chốn. Đây là sáu nghĩa thành tựu tròn đầy, ba sự nghi ngờ chóng dứt.

7. Nói về chúng nghe kinh:

Từ câu “các vị Đại Bồ-tát kia đều đã thông đạt xa lìa...” cho đến “là những vị đứng đầu”. Đây là khen ngợi công đức của Bồ-tát. Ma-ha là Đại. Nói năm pháp, ba tự tánh, tám thức, hai vô ngã, đó là bốn pháp nhiệm mầu, gồm thâu tất cả các pháp thế gian và xuất thế gian. Đoạn dưới là phần chánh tông, sẽ nói đầy đủ rõ ràng nghĩa này. Thấy đều đã

thông đạt: nói các vị Bồ-tát đều đã thông đạt rốt ráo pháp vô ngại này. Nghĩa khéo biết cảnh giới do tâm hiển hiện; nghĩa là cảnh giới, y báo, chánh báo, mê ngộ sinh tử trong ba cõi chỉ do tự tâm hiện. Các vị Bồ-tát khéo biết như thật rõ ràng, không từ bên ngoài mà được. Các năng lực du hí vô lượng thần thông tam-muội tự tại: nghĩa là du hí tự tâm sở hiện vô lượng giải thoát tự tại, tam-muội chánh thọ, sáu thông mười lực. Nói du hí là gì? Nghĩa là đã được vô lượng tự tại, vừa thần vừa thông, quên mình vì chúng sinh, kia đây không dính mắc, thì chỗ nào cũng đều có sự an vui, nên nói là du hí. Tùy tâm chúng sinh hiện các thứ thân phương tiện điều phục, nghĩa là tùy tâm chúng sinh, tức là trong tự tâm hiện ra cảnh giới, chúng sinh đã khác nhau, tâm sắc cũng khác nhau, tùy loại thị hiện, phương tiện điều phục. Tất cả các Đức Phật đều dùng tay rưới nước trên đỉnh đầu các vị ấy, đây là do các vị ấy tu hành đã chứng đến địa thứ mười, được Phật quán đánh thêm mà được vào địa vị tôn quý, đều từ các cõi nước của các Đức Phật mà đến trong hội này. Bồ-tát Đại Tuệ là người đứng đầu trong hội đó: nghĩa là vị Bồ-tát này có đức độ, thần thông rộng lớn từ cõi khác đến, vì là vị Bồ-tát đứng đầu trí tuệ rộng lớn, nên gọi là Đại Tuệ, trên đây nói chung lời tựa chứng tín đã xong.

8. Nơi chốn Phật nói kinh:

Từ câu “bấy giờ, Đức Thế Tôn ở cung vua rồng biển nói pháp...” cho đến “mở bày pháp này”. Từ đây đến cuối phẩm là nói riêng về tựa phát khởi. Nói Thế Tôn: Nghĩa là đầy đủ chín hiệu Như lai ở trên, được người thế gian tôn kính. Phạm: là Phạm Vương cõi Sắc, giải thích tức là Đế-thích. Đứng đầu cõi Dục che chở thế gian gọi là Tứ Thiên Vương. Các trời, rồng v.v... tức tám bộ trời rồng. Như lai tức các pháp như nghĩa. Ứng chánh đẳng giác: Nghĩa là chánh giác tức tự tâm như lý trí, khéo quán chân đế. Đẳng giác: Tức tự tâm như lượng trí, quán khắp tục đế. Đây gọi là Phật Phật Tổ Tổ, chỉ dùng một niệm tự tâm soi chân đạt tục, thành Vô thượng giác, cho nên nói xưa các Đức Như lai Ứng chánh đẳng giác. Các nghĩa khác lời văn rất dễ hiểu.

9. Dạ-xoa vương thỉnh Phật:

Từ câu “bấy giờ, La-bà-na Dạ-xoa vương cho đến trong đêm dài được lợi ích lớn”. Là Nói Dạ-xoa vương nương oai thần Phật, thấy sóng biển không thể hiện tượng, quán sát chúng hội kia. Biểu tánh Như lai tàng thức chân như, cũng giống như vậy. Vì ở trong cảnh giới vô minh bị gió thổi động sinh ra sóng thức, không thể phát hiện vô biên đức dụng, liền khởi tâm vui mừng, nên đến thỉnh Phật vào trong thành này để giảng nói việc ấy, giúp cho các chúng sinh dừng gió vô minh, sóng thức

không dậy, biển tâm vắng lặng thì chẳng đức nào mà không hiển bày.

Từ câu “nói như vậy rồi liền cùng quyến thuộc cho đến ở trong đó nói kệ mà khen ngợi Phật rằng: Tâm tự tánh pháp tạng vô ngã lia kiến chấp cấu uế cho đến nhất tâm nguyện nghe pháp: Báu Đại thanh nhân-đà-la bảo, bao trùm các vật tượng, đối liền biến ứng”. Nhạc khí mà Dạ-xoa này cầm đều là báu này, nhưng lại xen lẫn bằng các thứ báu như lưu ly, v.v... quán bên trong bằng lực thượng vô giá. Âm thanh rất hay, âm điệu hòa vào nhau, trong âm điệu ấy nói ra ba bài kệ khen ngợi Phật. Ba câu trên của bài kệ đầu khen ngợi chân tâm tự tánh đã chứng, các pháp tạng này từ xưa đến nay, đầy đủ vô lượng tánh công đức, không có hai thứ ngã chấp, lia nhớ năm kiến chấp, chỉ có Phật và Phật mới chứng biết. Một bài kệ thứ hai là khen ngợi thỉnh Phật vào thành, ba câu trên như thứ lớp khen ngợi ba thân. Một câu thứ tư là chính thức mời thỉnh. Một câu của bài kệ thứ ba là kể lại ngày xưa Đức Phật và các Bồ-tát đều có ở trong thành này, Đức Thế Tôn cũng nên như vậy, chúng con nguyện nghe pháp.

10. Dạ-xoa vương nói kệ:

Từ câu “bấy giờ, La-bà-na Lăng-già vương cho đến dùng tiếng ca mà nói kệ rằng: Thế Tôn ở trong biển Ma-kiệt bảy ngày cho đến nguyện xin thương xót nạp thọ: Lúc bấy giờ, La-bà-na vương, trên dùng âm nhạc khen ngợi thỉnh Phật, ở đây lại dùng âm thanh ca hát nói kệ thỉnh Phật, là tiêu biểu cho hữu tình và vô tình đồng nhau”. Đối trước Phật xưng tên mình, con là La-sát vương La-bà-na mười đầu, nghĩa là vua loài La-sát, tiêu biểu cho các chúng sinh căn bản vô minh lang chủ. Mười đầu tiêu biểu cho mười sử lợi độn do vô minh sinh ra, đây là đầu mối của tất cả trần lao phiền não. Cúi mong Phật nhiếp thọ con và tất cả chúng sinh, cung điện thể nữ của con, cho đến đích thân cung cấp hầu hạ, cúi xin thương xót nạp thọ v.v... Như trong kinh có nói. Đại ý nói lên có khả năng thấu đạt thật tánh vô minh, tức là Phật tánh. Trần lao trong ngoài, tất cả phiền não tự nhiên thuận theo chánh biến tri giác, cho nên nói cung cấp hầu hạ nạp thọ. Nói dùng âm thanh Đô-tra-ca và Dạ-sa-thích-na ấy, chưa thấy chính dịch. Ma-ha-diễn, Hán dịch là Đại thừa.

Từ câu “bấy giờ, Đức Thế Tôn nghe lời nói này rồi v.v... cho đến nói, như vậy rồi im lặng an trú”. Phật bảo vua Dạ-xoa rằng chấp nhận lời thỉnh cầu của vua Dạ-xoa, cho nên ngồi im lặng an trụ.

11. Phật, Bồ-tát thọ cúng dường và nói pháp:

Từ câu “bấy giờ, La-bà-na Vương liền nương vào cung điện Diệu Hoa cho đến pháp sâu xa” là nói Phật và các Bồ-tát thọ sự cúng dường

rồi, đều nói pháp cho họ nghe.

“Bấy giờ, La-bà-na Vương và các quyến thuộc cho đến mà khuyến thỉnh rằng. Nay con thỉnh Đại sĩ thừa hỏi Đức Thế Tôn cho đến tất cả lầm lỗi. Vua kia lại cúng dường Bồ-tát Đại Tuệ: Xin vì chúng con và các Bồ-tát thừa hỏi Như lai trí pháp tự chứng (của Như lai), lìa các lỗi lầm, nhập vào đất trí của Phật.

12. Phật hóa hiện y báo, chánh báo:

“Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng năng lực thần thông cho đến đều ở giữa hư không biến mất”. Nói Như lai dùng năng lực thần thông, ở nơi núi kia, hóa hiện y báo, chánh báo lớp lớp như trên vô tận cảnh giới, cho đến biến mất giữa hư không. Như trong hội Hoa nghiêm, ngài Di-lặc búng ngón tay, cửa lầu gác đều mở, Thiện Tài vào rồi thấy trong lầu gác kia rất trang nghiêm, có vô tận trăm ngàn lầu gác rộng lớn trang nghiêm, cũng giống như vậy. Trong vô tận trăm ngàn lầu gác kia, mỗi lầu gác đều có vô tận trăm ngàn lầu gác; trước mỗi lầu gác đều có Bồ-tát Di-lặc, trước mỗi Bồ-tát Di-lặc đều có đồng tử Thiện Tài, mỗi đồng tử Thiện Tài đều chấp tay đứng trước Bồ-tát Di-lặc, cho đến xuất định bỗng nhiên biến mất. Cả hai điều này là tiêu biểu cho pháp giới vượt tình lìa kiến, rộng lớn tự tại vô chướng ngại, tức các Đức Phật và chúng sinh giao tiếp thông suốt với nhau, cõi Tịnh và cõi uế dung thông lẫn nhau, pháp pháp đều trang nghiêm lẫn nhau. Mỗi hạt bụi đều trùm khắp pháp giới, nhập nhau tức nhau, lớp lớp vô tận, giúp cho ngộ tu tròn đầy, sáng suốt chứng nhập.

13. Không lìa chỗ đang ở:

“La-bà-na Vương chỉ tự thấy thân cho đến như vòng lửa xoay tròn: Các pháp đã ẩn mất, Lăng-già vương chỉ thấy tự thân, trú trong bốn cung. Đây là nói không lìa chỗ đang ở. Suy tư như vậy liền khởi tâm từ quán, quán xét các pháp, ai nói ai nghe, là vật gì, tìm kiếm các pháp tướng rõ ràng không thật có.

“Lại suy tư tất cả các pháp cho đến không sinh khởi sự phân biệt, đó gọi là năng biến. Lại suy tư chánh niệm quán sát, được như thật quán, hiểu rõ tánh các pháp, không năng không sở, không thấy không nghe. Đó gọi là thấy chân thật.

14. Dạ-xoa vương được khai ngộ:

“Lúc bấy giờ, Lăng-già Vương liền khai ngộ cho đến Nhập Như lai Tạng hương đến Phật địa”. Đây là nói Dạ-xoa Vương do quán như thật, nên liền khai ngộ chứng được tự tâm, an trụ trong trí vô phân biệt. Cái gọi là được cái thấy đúng như thật, không theo người khác mà ngộ.

Nói mê ngộ nhiều ngã rẽ, cũng không có pháp riêng. Khi mê thì mê cảnh là vật, khi ngộ thì ngộ cảnh tức tâm. Ngộ là giác mê, chẳng phải có ngộ riêng từ ngoài đến, cho nên nói không theo người mà ngộ. Có khả năng dùng trí khéo léo quán sát, lia hẳn sự ước đoán tà giải, nghĩa là lý thì đốn ngộ, nương ngộ đều tiêu, nếu cho là thắng giải tức rơi vào tà chấp, chỉ khéo léo dùng trí quán sát tức tâm, không có thắng giải, khéo hiểu phương tiện biết rõ tướng tăng tiến của các địa thượng, nghĩa là đã ngộ như thật, lại còn hiểu được phương tiện khéo léo thì các địa từ đầu đến cuối không bao giờ còn tướng tà vạy, cho nên ưa thích xa lìa tâm thức vọng kiến, hướng thẳng đến địa vị Phật, ba nghĩa nối nhau như đoạn dưới nói rộng.

15. Nghe tiếng nói trong hư không và trong cung điện:

“Nghe trong hư không và trong cung điện, cho đến nên thấy tất cả các pháp như vậy”. Nói vua Dạ-xoa đã khai ngộ, hư không cung điện liền khen ngợi. Nói nên học như vậy, nên thấy như vậy: Như vậy là thuận theo lời đúng như thật, bằng lòng với sự học và sự thấy kia đều đúng như thật. Các Đức Phật Như lai thấy tất cả pháp cũng đồng thấy như vậy. Trước sau đã dùng cảnh hóa hiện mà nói pháp cho nghe, ở đây lại dùng cung điện khen ngợi là sao! Đâu chẳng phải “phát chân về nguồn”, cung điện trong hư không tự nhiên biến mất, sắc không, y báo, chánh báo đồng một pháp giới, sao được như vậy!

16. Khuyến xa lìa dị kiến:

“Nếu dị kiến thì đó là chấp đoạn, cho đến cũng không nên trụ trong sáu định”. Ở đây nói các thứ khuyến bảo xa lìa dị kiến, nếu có dị kiến thì đó là chấp đoạn, nghĩa là nếu khác với cái thấy như thật này thì gọi là chấp đoạn diệt. Ông nên xa lìa hẳn tâm, ý, ý thức, nên khuyến quán sát xa lìa tất cả các pháp, là nói tự chứng, chẳng phải cảnh giới của tâm, ý, thức cho nên phải xa lìa. Nên tu mật hạnh, nghĩa là nên ngẫm tu mật hạnh. Chớ chấp vào hình thức bên ngoài, tức đoạn dưới có chỗ nói cảnh giới các nghĩa của Hai thừa, ngoại đạo. các kiến Vi-đà tức Bà-la-môn ngoại đạo, vâng theo bốn bộ Vi-đà do Phạm Thiên nói, có đến mười muôn bài kệ được tương truyền bằng miệng, ngoài ra không có sách ghi chép đầy đủ. Cũng không nên trú trong sáu định, tức ngoại đạo dị chấp, ưa thích hay chán ghét sáu hành, hàng phục các hoặc v.v... như một thứ ngoại đạo chấp tầng trời Vô tướng thuộc là Thiên thứ tư Niết-bàn mà ở cõi Dục tu định Vô tướng, nhằm chám cõi thiên dưới và cõi Dục là khổ thô chướng. Ưa thích cõi Vô tướng ở trên là tịnh diệu ly, cho nên được ba cõi thiên dưới và cõi Dục hàng phục các hoặc mà

không thực hành, khi qua đời liền sinh lên cõi Vô tưởng dị thực, trải qua năm trăm kiếp, lại bị đọa lạc trôi lặn trong sinh tử, sáu hạnh như vậy hàng phục các hoặc tà định, đều không nên an trụ.

17. Khuyên chớ sinh chấp đấm ngoại đạo và vọng tưởng của Hai thừa:

“Nếu có thể như vậy tức là như thật, cho đến đối với tánh không loạn tưởng phân biệt”: Ý nói rằng nếu không có các kiến chấp của Hai thừa, ngoại đạo thì mới có thể như thật tu hành, phá dẹp được các luận thuyết ác kiến khác và xả bỏ ngã chấp v.v... Có thể dùng trí tuệ cao siêu chuyển thức sở y, tức bốn trí chuyển tám thức. Nhập vào địa vị Như lai tự chứng, là ý nói đồng đắc, đồng chứng với các Đức Phật. Khéo tu tam-muội tam-ma-bát-đề: Tam-muội, Hán dịch là Chánh định, cũng dịch Chánh thọ, vì chánh định bất loạn, năng thọ các pháp, vì phân biệt với tịnh trì; lại vì không có cảnh lay động, gọi là chánh định, không có vật đáng thọ gọi là chánh thọ. Tam-ma-bát-đề, Hán dịch là Đẳng chí, vì chánh định có công năng phát sinh trí tuệ chân chánh v.v... gìn giữ các pháp cho đến địa vị cao siêu, pháp này nên khéo tu. Ngoại đạo chấp ngã kiến có tướng ngã và thật. Cầu-na chấp đấm, cầu-na Hán dịch là công năng, nghĩa là ngoại đạo chấp có tướng ngã và bốn đại, năm uẩn mười bát giới, mười nhị xứ, có công năng thật, chấp đấm sắc thanh, hương, vị, xúc, pháp, và Hai thừa thấy có mười nhị nhân duyên, chẳng rõ tánh không, ở trong đó loạn tưởng phân biệt, cho nên khuyên ở đây chớ sinh chấp đấm ngoại đạo và hai thừa vọng tưởng.

18. Suy nghĩ ý nghĩa như thật chính là chân thật thấy Phật:

“Lăng-già Vương! Pháp này cao siêu cho đến suy nghĩ như vậy chính là thấy Phật”. Cái gọi là pháp này là pháp gì! Là pháp tự tâm, an trụ vô phân biệt. Pháp cao siêu chẳng phải là pháp tối tăm yếu kém, mới thành tựu tự chứng Thánh trí. Đối với các hữu, thọ sinh thượng diệu: nghĩa là có khả năng chứng được pháp cao siêu này, quyết có khả năng các hữu thọ sinh thượng phẩm, không hưởng đến chỗ thấp kém. Cái gọi là phá sự che lấp của vô minh, diệt trừ sóng thức: vô minh làm chướng ngại mất trí tuệ, sóng nghiệp thức cổ động nguồn tâm, pháp Đại thừa tu hành có khả năng phá diệt các điều này. Hai nghĩa thức tánh, vì ngoại đạo chấp đấm ngã kiến, đối với dị luận, không thể giảng nói nghĩa lìa kiến thức tánh pháp, phi pháp. Ông trước thấy Phật, suy nghĩ như vậy: ý nói vua Dạ-xoa, ông trước thấy Phật, có thể suy nghĩ như thật ý nghĩa này, chính là chân thật thấy Phật.

19. Phật lại hiện thân lần nữa:

“Lúc bấy giờ, vua La-bà-na lại nghĩ rằng cho đến các việc như vậy đều không khác nhau”. Nói vua Dạ-xoa lại nghĩ muốn được thấy Như lai lần nữa. Đức Phật liền biết sẽ ngộ pháp sâu xa, nên lại hiện thân, khiến việc giáo hóa như cũ không khác. Hóa thân thân kia trùm khắp tất cả, nhiều lớp vô tận. Lúc bấy giờ, Vua nước đầu tỵ thấy thân mình khắp trước các Đức Phật, đều có Đại Tuệ, Dạ-xoa vây quanh, nói pháp Thánh trí tỵ chứng, cũng thấy tất cả cõi Phật, các việc như vậy, không khác với trước.

20. Phật quán sát đại chúng, muốn nói pháp cho đại chúng nghe:

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn quán sát khắp hội chúng cho đến trên đỉnh núi Lăng-già hơn hở cười lớn”. Đây là nói Đức Như lai quán sát khắp trong hội chúng muốn nói pháp cho đại chúng nghe: Nói mất tuệ chẳng phải nhục nhãn, vì nhục nhãn bị chướng ngại không thông suốt, không thể thấy khắp, cho nên dùng mắt tuệ quán sát. Ở giữa hai đầu chân mày, bấp vế, sườn, lưng cổ, cho đến vai, cánh tay trong đó có đầy đủ đức độ, mỗi sợi lông đều phát ra ánh sáng, nghĩa là Đức Như lai phát ra ánh sáng phải tiêu biểu cho pháp, chẳng phải vô ý nghĩa. Nay trong hội chúng này, bảy chỗ như giữa hai đầu chân mày v.v... đều phát ra ánh sáng, đều là tiêu biểu cho trung đạo tròn sáng, lìa biến kế y tha, thành tựu các đức. Lúc bấy giờ Thích Phạm, các trời trong hư không từ xa nhìn thấy Như lai ngồi trên đỉnh núi Lăng-già như núi Diệu Cao, vui mừng cười lớn.

21. Đại chúng thắc mắc:

“Lúc bấy giờ, các Bồ-tát và các thiên chúng, cho đến quán thấy La-bà-na nhớ nghĩ pháp như thật”. Lúc ấy Bồ-tát và các vị trời đều suy nghĩ Đức Phật vì sao lại vui vẻ mỉm cười, thân phát ra ánh sáng, nhập vào sự an vui của tam-muội, bèn đi vòng khắp rồi ngoảnh lại nhìn vua Dạ-xoa, nghĩ phải có lý do.

22. Bồ-tát Đại Tuệ thưa hỏi Phật và được Phật khen:

“Lúc bấy giờ, Bồ-tát Đại Tuệ cho đến và các ngoại đạo đều không thể suy lường”: Ý nói Đại Tuệ biết tâm của các Bồ-tát trong hội chúng, và thấy sự mê hoặc chấp đắm của tất cả chúng sinh đời vị lai, vì muốn cởi mở thắc mắc cho họ, mà thưa hỏi Phật. Đức Phật khen: Lành thay! Vì lợi mình lợi người mà nêu câu hỏi. Nghĩa là vua Dạ-xoa đã từng hỏi Phật quá khứ về hai nghĩa này, nay cũng muốn hỏi, đời vị lai cũng vậy. Là điều mà ngoại đạo, hai thừa không thể suy lường, đã từng hỏi qua, nay cũng muốn hỏi, đời vị lai cũng như vậy đối với hai nghĩa này, quả thật không biết.

23. Chỉ có vua Dạ-xoa chứng đắc, các vị còn lại thì không:

“Lúc bấy giờ, Đức Như lai biết vua Lăng-già, cho đến trời Phạm Thích, v.v... không hề thấy ánh sáng”. Lúc ấy Như lai biết vua Lăng-già muốn thưa hỏi. Đức Phật dạy hãy mau hỏi, ta sẽ giải thích đầy đủ nguyện kia. Nói khéo biết các địa tức là biết Sơ địa cho đến Bất động địa, Thiện tuệ địa, Pháp vân địa và Phật địa. Tu tập đối trị chứng nghĩa chân thật, tức đối với các địa gia công dụng hạnh, trị chướng sở trị không gặp đường tà. Ở trong cung hoa sen báu lớn rưới nước tam-muội trên đánh đầu, nghĩa là công hạnh đồng với Phật, thành pháp vương tử, trụ vào quán đánh. Đức Phật lại dạy, vua Lăng-già khởi nhất bình đẳng hạnh, và vô lượng hạnh khác nữa, quyết định phải chứng đắc cảnh giới như trên đã nói, chỉ có vua Lăng-già đích thân chứng đắc, còn hai thừa, ngoại đạo, Thích Phạm chẳng thể thấy được.

24. Vua Dạ-xoa biến hóa các thứ trang nghiêm cúng dường Phật:

“Lúc bấy giờ, vua Lăng-già cầu xin Đức Phật hứa khả cho rồi, cho đến ông nên hỏi ta sẽ nói cho ông nghe”. Nói vua Lăng-già được Phật yên lặng hứa khả, liền biến hóa đầy đủ các thứ trang nghiêm, như là hoa thơm, cờ phướn, lọng lụa, anh lạc, tức các dụng cụ trang nghiêm. Hiên là thuộc màn trướng. Lại hóa độ tất cả cõi Dục, và trải qua trời rồng, v.v... Thế gian cõi nước các Đức Phật, tất cả nhạc khí để cúng dường, là tiêu biểu sự kính pháp. Lại ở giữa hư không, các thứ cúng dường rơi xuống như mưa, là tiêu biểu thỉnh pháp phải khiêm nhường cung kính. Ý nói các Đức Như lai quá khứ đã nói cho ta nghe, là Như lai ba đời đồng một pháp. Bạch Đức Thế tôn! Hai nghĩa do Như lai biến hóa nói ra chẳng phải Đức Phật căn bản nói, nghĩa là báo thân, hóa thân chẳng phải Phật chân thật, cũng chẳng phải người nói pháp, cho nên muốn Đức Thế Tôn, là Đức Phật căn bản nói. Bạch Đức Thế tôn! bảo rằng sẽ nói hai nghĩa cho ông nghe.

25. Làm sao bỏ được hai nghĩa pháp và phi pháp:

“Lúc bấy giờ, vua Dạ-xoa lại chấp các thứ, cho đến pháp tánh như vậy làm sao có thể bỏ”. Đây là hỏi Như lai hai nghĩa pháp và phi pháp làm sao bỏ được? Trước dùng các vật trang nghiêm để cúng dường, ở đây lại dùng các vật trang nghiêm, để trang nghiêm thân là vì sao? Đây là tiêu biểu hỏi về oai nghi không dám xem thường. Các nghĩa khác trong văn kinh có nói.

26. Ba thí dụ nói về sự khác nhau giữa pháp và phi pháp:

“Lúc bấy giờ, Phật bảo vua Lăng-già rằng, cho đến Ngoại pháp có vô lượng sự khác nhau như vậy”. Đây là đáp câu hỏi trước, Đức Như

lai trước nêu lên bình v.v... vô thường, và tánh ngọn lửa, hạt giống nảy mầm chồi, ba thí dụ để nói về sự khác nhau giữa pháp và phi pháp, giúp cho chúng sinh dễ hiểu.

“Nội pháp cũng như vậy, nghĩa là duyên vô vi, cho đến nên biết tất cả đều là tướng phân biệt”: Đây là nêu ba nội pháp hợp với thí dụ trước, lấy vô minh làm duyên. Hợp với thí dụ bình ở trước, lấy các thức hợp với thí dụ tánh lửa, dùng sự tu quán hạnh hợp với thí dụ hạt giống. Nhưng bình dùng tạo tác nghĩa, do duyên vô minh năng tạo căn thân, khí giới, các thứ khác nhau. Lửa nghĩa là huân xông biến hóa. Do các thức năng huân biến tất cả các pháp nhiễm tịnh khác nhau. Hạt giống nghĩa là phát sinh, do tu quán hạnh, trí tuệ tự phát sinh. Cũng lại thấy có các sự khác nhau, pháp dụ như vậy đều có nguyên nhân. Ba pháp này nói chung về hai nghĩa, đều là tướng phân biệt.

27. Phật giải thích về pháp:

“Này vua Lăng-già! Thế nào gọi là pháp? Cho đến ông trước hỏi ta đã nói xong”. Đoạn trên chính là đáp hai nghĩa pháp và phi pháp, như kinh có nói. Kim Cương Kinh Vô Trước Thích luận chép: Pháp còn nên bỏ, vì thật tướng sinh; huống gì phi pháp, vì lý không đúng. Cũng đều phá tình chấp hữu vô khiến tự chứng nhập, như voi hương lớn bứt đứt xiềng xích không tự tại mà đi. Nói Tỳ-bát-xá-na, Hán dịch là Quán, nêu quán phải đồng với tu chỉ. Chỉ: Tiếng Phạm là Xa-ma-tha. Các giáo thiên viên, giải thích nghĩa khác nhau, đại ý nói nhất niệm xứng lý, gồm thâm tán loạn trở về vắng lặng, gọi là chỉ, vắng lặng mà thường chiếu soi gọi là quán. Luận Khởi Tín hợp hai hạnh này thành một môn, cộng tướng giúp thành, không lìa bỏ nhau. Nếu chỉ quán không đầy đủ thì không thể vào đạo Bồ-đề. Kinh Thâm Mật chép: Chúng sinh bị sự trói buộc và bị thô nặng trói buộc, cần phải siêng tu Chỉ quán, nhờ đó mà được giải thoát, cho nên tông Thiên thai lấy Chỉ quán từ bi dẫn dắt thân, miệng, ý nghiệp đến thế nguyện, làm hạnh an vui, đây là lấy Chỉ quán làm sự năng tu, muôn điều lành làm sở tu. Các kinh Thâm Mật, Lăng-nghiêm, Niết-bàn, các luận Du-già, Khởi Tín, Chỉ Quán có nói rộng về nghĩa ấy.

28. Phật nêu lên và bác bỏ các chấp phân biệt lưỡng đối:

“Này vua Lăng-già! Ông nói ta ở đời quá khứ, cho đến lấy Như lai Tạng làm cảnh giới”. Đây là nói Như lai lại vì vua Dạ-xoa nêu pháp các kiến chấp phân biệt lưỡng đối, giúp cho vua Dạ-xoa lìa niệm, vắng lặng, phát sinh chánh kiến. Vua Lăng-già ông nói ta ở đời quá khứ ở chỗ các Đức Như lai đã hỏi nghĩa này, các Đức Như lai kia đã nói cho

ta nghe. Ông nói quá khứ chỉ là phân biệt, vị lai cũng thế, ta cũng đồng như kia. Pháp của các Đức Phật kia đều là phân biệt, cho đến vì muốn cho chúng sinh được sự an vui, đây là ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai chẳng khác nhau. Đức Như lai dùng trí làm thân, không thể dùng tướng ngã, nhân, chúng sinh để phân biệt cho đến là năng sở phân biệt, nghĩa là ba thứ tâm, Phật, chúng sinh không khác nhau. Thí như trên vách vẽ chúng sinh không có hay biết chúng sinh thế gian cũng giống như vậy. Không nghiệp không báo, các pháp cũng giống như vậy không nghe không nói. Đây là trước nêu ví dụ, kể đến hợp với pháp. Lại nói thí như có người trên mặt nước, trong gương soi thấy bóng mình, ở trong đèn trăng thấy ảnh, ở trong hang núi nghe tiếng dội. Đây đều dụ cho chúng sinh dùng tự tâm chấp tự tâm, đối với không có sắc tướng khởi chấp sắc tướng, pháp và phi pháp phân biệt cũng giống như vậy. Nếu hiểu rõ hư không vắng lặng mộtduyên, sinh trí tự chứng, ra khỏi phải quấy thì hợp với Như lai Tạng diệu tịnh minh tâm làm cảnh giới. Đáng tin thay! Phẩm này tuy gọi là phát khởi chánh tông, tức có khả năng hiểu rõ vô minh căn bản, nhập tri kiến Phật.
